

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 73/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 28-9-2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Xuân Đạm

2. Ông Nguyễn Thành Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Kỳ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2024/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Ông Dương Q, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Dương Q tự nguyện sống chung từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh ngày 27/4/2007.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, Ông Q thường xuyên ghen tuông và

ngghi ngờ Bà B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, quan hệ vợ chồng không hòa hợp, nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy không thể hàn gắn mâu thuẫn được nữa nên Bà B xin ly hôn với Ông Q.

Về con chung: Vợ chồng bà Bé Ông Q có bốn người con chung tên Dương Nhật Huy, sinh ngày 26/5/2008; Dương Nhật Cường, sinh ngày 06/02/2010; Dương Mỹ Kỳ, sinh ngày 29/9/2015 và Dương Đăng Khoa, sinh ngày 30/10/2018. Khi ly hôn Bà B xin nuôi bốn người con chung không yêu cầu Ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, bà Bé vẫn giữ nguyên như yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện.

- Ông Dương Q vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2024 Ông Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé và ông Dương Q tự nguyện sống chung từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh ngày 27/4/2007.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, Ông Q thường xuyên ghen tuông và nghi ngờ Bà B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, quan hệ vợ chồng không hòa hợp. Nay Bà B xin ly hôn với Ông Q thì Ông Q không đồng ý tại vì Ông Q còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có bốn người con chung tên Dương Nhật Huy, sinh ngày 26/5/2008; Dương Nhật Cường, sinh ngày 06/02/2010, Dương Mỹ Kỳ, sinh ngày 29/9/2015 và Dương Đăng Khoa, sinh ngày 30/10/2018. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì Ông Q đồng ý để Bà B nuôi cả bốn người con chung vì các con có nguyện vọng muốn ở với mẹ, do Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên Ông Q không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bé.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bé được ly hôn với Ông Q

+ Về con chung: Vợ chồng đều thống nhất có bốn người con chung tên Dương Nhật Huy, sinh ngày 26/5/2008; Dương Nhật Cường, sinh ngày 06/02/2010, Dương Mỹ Kỳ, sinh ngày 29/9/2015 và Dương Đăng Khoa, sinh ngày 30/10/2018. Do Ông Q và bà Bé đều đồng ý để Bà B nuôi cả bốn người con chung vì các con có nguyện vọng muốn ở với mẹ, do Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên Ông Q không cấp dưỡng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà Bé trực tiếp nuôi dưỡng 04 người con, Do bà Bé không yêu cầu Ông Q phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết

+Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Bé có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Dương Q. Xét thấy Ông Q có nơi cư trú tại ấp Việt Tân, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ông Dương Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù Tòa án đã thực hiện việc triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé và Ông Q tự nguyện sống chung từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh ngày 27/4/2007. Nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bé và Ông Q là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Bé. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà Bé và Ông Q thì giữa bà Bé và Ông Q phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, Ông Q thường xuyên ghen tuông và nghi ngờ Bà B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, quan hệ vợ chồng không hòa hợp dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Bé xác định không còn tình cảm với Ông Q và yêu cầu được ly hôn. Xét thấy vợ chồng bà Bé và Ông Q đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 cho tới nay cho thấy thời gian đã kéo dài nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ngoài ra trong quan hệ vợ chồng không có sự hòa hợp, bà Bé và Ông Q đều thừa nhận do Ông Q có nhu cầu quan hệ tình dục nhiều lần trong tuần nhưng bà Bé không đáp ứng được nên cũng là lý do bà Bé xin ly hôn với Ông Q. Như vậy,

có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Bé và Ông Q đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bé.

[4] Về con chung: Vợ chồng đều thống nhất có bốn người con chung tên Dương Nhật Huy, sinh ngày 26/5/2008; Dương Nhật Cường, sinh ngày 06/02/2010, Dương Mỹ Kỳ, sinh ngày 29/9/2015 và Dương Đăng Khoa, sinh ngày 30/10/2018. Do Ông Q và bà Bé đều đồng ý để Bà B nuôi cả bốn người con chung vì các con có nguyện vọng muốn ở với mẹ, do Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên Ông Q không cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử giao cho bà Bé trực tiếp nuôi dưỡng 04 người con, Do bà bé không yêu cầu Ông Q phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà Bé phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé được ly hôn với ông Dương Q.

2. Về con chung: Giao cho bà Bé trực tiếp nuôi dưỡng bốn người con chung tên Dương Nhật Huy, sinh ngày 26/5/2008; Dương Nhật Cường, sinh ngày

06/02/2010, Dương Mỹ Kỳ, sinh ngày 29/9/2015 và Dương Đăng Khoa, sinh ngày 30/10/2018

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bé không yêu cầu Ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có vay nợ ai tài sản gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Bé phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà Bé đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006490 ngày 05 tháng 8 năm 2024;

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Quang;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Tú

